

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LV
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2022/HNGĐ-ST.
Ngày: 19-7-2022.
“V/v Ly hôn; Tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn giữa chị Phạm Thị B
và anh Phan Thanh B1”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LV, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Kiến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Chung Thị Thu Nguyệt.

2. Ông Nguyễn Minh Triều.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hồng Pha - Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện LV, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện LV, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở của Tòa án nhân dân huyện LV xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 53/2022/TLST-HNGĐ, ngày 24 tháng 02 năm 2022, về “Ly hôn; tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 99/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 13 tháng 6 năm 2022, và Quyết định hoãn phiên tòa số 87/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 01 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị B, sinh năm 1969; hộ khẩu thường trú: Số 528A ấp A, xã Đ, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp; tạm trú: Số 528B ấp A, xã Đ, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp; Chị B có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Anh Phan Thanh B1, sinh năm 1968; hộ khẩu thường trú: Số 358, ấp T, xã H, huyện L, tỉnh Đồng Tháp; tạm trú: Số 528A ấp A, xã Đ, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp; Anh B1 vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 11/02/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị B trình bày: Chị B và anh Phan Thanh B1 sống chung với nhau như vợ chồng, đến ngày 18/8/2009 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Định An, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp.

Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do anh B1 thường xuyên nhậu, không làm ăn chăm lo cho gia đình và mỗi lần nhậu về là anh B1 thường xuyên đập phá đồ trong nhà và rượt đánh chị B. Vợ chồng chính thức ly thân từ tháng 4 năm 2021 đến nay. Nhận thấy không còn tình cảm với anh B1 nên chị B yêu cầu ly hôn với anh B1. Về con chung: Quá trình sống chung chị B và anh B1 có 02 con chung tên Phạm Thị Bích L, sinh ngày 30/4/1994 và Phan Tấn K, sinh ngày 07/10/2007. Hiện 02 con chung là các cháu L và Kiệt đang do chị B trực tiếp nuôi dưỡng. Chị B yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu K, chị B không yêu cầu anh B1 đóng góp (cấp dưỡng) nuôi con chung là cháu K cùng chị B. Đối với con chung là cháu L đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về chia tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Phan Thanh B1 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, bản photo đơn khởi kiện của nguyên đơn cùng các tài liệu chứng cứ kèm theo đơn. Nhưng bị đơn không gửi văn bản trình bày ý kiến cho Tòa án. Đồng thời anh B1 cũng không có mặt tại Tòa án khi được Tòa án triệu tập hợp lệ để giải quyết vụ án, cũng như tham gia phiên tòa.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định về quyền và nghĩa vụ tố tụng. Bị đơn được triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vắng mặt không có lý do, không tuân thủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án:

Kiểm sát viên cho rằng, mâu thuẫn vợ chồng chị Phạm Thị B và anh Phan Thanh B1 đã trầm trọng, không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị B là có cơ sở. Vợ chồng chị B, anh B1 có 02 con chung tên Phạm Thị Bích L, sinh ngày 30/4/1994 và Phan Tấn K, sinh ngày 07/10/2007, cháu K hiện sống với chị B và cháu K có nguyện vọng sống với mẹ. Nhận thấy để cháu K có điều kiện phát triển tốt, nên giao con chung cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng. Đối với con chung là cháu L đã trưởng thành chị B không yêu cầu Tòa án giải quyết. Áp dụng Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị B được ly hôn với anh Phan Thanh B1; Về con chung: Chị B được trực tiếp nuôi con chung là cháu K, do chị B không yêu cầu

anh B1 cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét; Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Việc chị Phạm Thị B xin ly hôn với anh Phan Thanh B1 là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa chị B và anh B1 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện, quy định tại Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Do anh B1 có địa chỉ thường trú tại số 528A ấp An Lạc, xã Định An, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp. Nên Tòa án nhân dân huyện LV thụ lý và giải quyết vụ án là đúng quy định tại Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với anh B1 là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, nhưng anh B1 vắng mặt không rõ lý do. Do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh B1 là phù hợp với quy định của khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân:

Việc chị Phạm Thị B và anh Phan Thanh B1 đăng ký kết hôn vào ngày 18/8/2009 tại Ủy ban nhân dân xã Định An, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp có Giấy chứng nhận kết hôn số 138 là chứng cứ chứng minh. Vì thế, có đủ cơ sở để xác định việc đăng ký kết hôn của chị B và anh B1 đã đảm bảo các điều kiện kết hôn và đã tuân thủ quy định tại khoản 1 Điều 8 và khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình, nên được Tòa án công nhận là vợ chồng hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Tuy nhiên, sau khi kết hôn với nhau, chị B và anh B1 sống chung hạnh phúc đến khoảng tháng 4/2021 thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn dẫn đến việc vợ chồng không còn sống chung với nhau từ đó, nhưng đến nay vẫn không hàn gắn được tình cảm vợ chồng. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã, anh B1 nhậu về thường xuyên có hành vi đập phá đồ trong gia đình và rượt đánh chị B. Nay chị B yêu cầu ly hôn với anh B1, chị B đã thực hiện quyền yêu cầu ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân gia đình.

Khi Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, đã tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho anh B1 tại địa chỉ mà chị B đã cung cấp trong đơn khởi kiện. Anh B1 cũng được Tòa án thông báo toàn bộ nội dung yêu cầu của chị B trong vụ án, cũng như thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 13/4/2022 của Tòa án đối với vụ án. Nhưng anh B1 không cung cấp ý kiến phản bác, không cung cấp tài liệu chứng cứ gì và cũng

không có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án nên Tòa án căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết vụ án là phù hợp với quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự. Vì vậy, mọi hậu quả pháp lý từ việc vắng mặt và không thực hiện nghĩa vụ chứng minh của mình, anh B1 phải tự chịu. Hành động của anh B1 đã cho thấy anh B1 không quan tâm đến cuộc hôn nhân này và cũng không có thiện chí đoàn tụ để tiếp tục xây dựng hạnh phúc gia đình cùng chị B. Do đó, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nhận định chị B và anh B1 đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.

Từ những nhận định nêu trên đã đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Phạm Thị B để giải quyết cho vợ chồng chị B và anh B1 ly hôn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về nuôi con chung: Quá trình chung sống giữa chị B và anh B1 có 02 con chung tên Phạm Thị Bích L, sinh ngày 30/4/1994 và Phan Tấn K, sinh ngày 07/10/2007 được chị B thừa nhận và có giấy khai sinh của cháu L và cháu K để chứng minh. Thời gian chị B và anh B1 xa nhau, cháu K do chị B trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc con chu đáo, hiện cháu K do chị B nuôi dưỡng phát triển bình thường như bao đứa trẻ khác cùng trang lứa cho thấy chị B đã đảm bảo được điều kiện để được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Vì vậy, xét yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Phan Tấn K của chị B là có căn cứ, phù hợp Điều 81, 82 của Luật hôn nhân và gia đình, nên Tòa án chấp nhận, cụ thể giao con chung là cháu K cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định và với nguyện vọng của cháu K thể hiện tại Tờ tường trình của cháu K đề ngày 11/02/2022. Đối với con chung là cháu L đã trưởng thành có khả năng tự lao động kiếm sống, nên chị B không yêu cầu giải quyết.

Do chị B không yêu cầu, anh B1 không có ý kiến về việc đóng góp (cấp dưỡng) nuôi cháu K cùng chị B, nên Hội đồng xét xử không xem xét về chi phí đóng góp (cấp dưỡng) nuôi con chung của chị B và anh B1.

Sau khi ly hôn, quyền và nghĩa vụ việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung được thực hiện theo quy định tại Điều 81; Điều 82 Điều 83 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về chia tài sản: Do chị Phạm Thị B và anh Phan Thanh B1 không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Do chị Phạm Thị B và anh Phan Thanh B1 không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Xét lời phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp quy định pháp luật nên chấp nhận.

[7] Về án phí: Chị Phạm Thị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[8] Về quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo thực hiện theo quy định tại các điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 91, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân:

Cho ly hôn giữa chị Phạm Thị B và anh Phan Thanh B1.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao con chung tên Phan Tấn K, sinh ngày 07/10/2007 cho chị Phạm Thị B tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng (Hiện cháu K đang do chị B trực tiếp nuôi dưỡng). Anh Phan Thanh B1 không phải đóng góp (cấp dưỡng) nuôi con chung là cháu K cùng chị B. Đối với con chung tên Phạm Thị Bích L, sinh ngày 30/4/1994 đã trưởng thành có khả năng tự lao động kiếm sống, chị B không yêu cầu gì, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

2.2. Sau khi ly hôn, chị Phạm Thị B cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh Phan Thanh B1 trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Phan Tấn K. Anh Phan Thanh B1 không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở, hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của chị Phạm Thị B.

3. Về chia tài sản: Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Chị Phạm Thị B phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008591 ngày 24 tháng 02 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện LV (Chị B đã nộp đủ án phí).

Chị Phạm Thị B có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Phan Thanh B1 có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ cho anh B1.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh;
- VKSND Huyện;
- CCTHADS Huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã Đ;
- (GCNKH số 138 ngày ĐK 18/8/2009)
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Văn Kiến